

Số: 01 /2026/BKLS

Tờ số: 01 Tổng số tờ: 01

BẢNG KÊ LÂM SẢN



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chủ lâm sản:

- Tên chủ lâm sản: Ủy ban nhân dân xã Nậm Tăm, tỉnh Lai Châu
- Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/CMND/HC:
- Địa chỉ: Bản Nà Tăm 1, xã Nậm Tăm, tỉnh Lai Châu
- Số điện thoại: 0928.292.046¹, Địa chỉ Email: namtam@laichau.gov.vn

2. Thông tin tổ chức, cá nhân mua/nhận chuyển giao quyền sở hữu:

- Tên tổ chức, cá nhân:
- Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/CMND/HC:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại:, Địa chỉ Email:

3. Thông tin về lâm sản:

- Tên loài (tên khoa học, tên tiếng Việt hoặc tên thương mại): Gỗ thông thường;
- Nhóm loài (Thông thường; Nhóm IA, IIA, IB, IIB của Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; Phụ lục I, II, III CITES): Thông thường.
- Nguồn gốc: Lâm sản sau xử lý tịch thu, xác lập quyền sở hữu toàn dân.
- Mã HS (áp dụng đối với lâm sản nhập khẩu, xuất khẩu): Không có
- Giá trị (nếu có): Không xác định.
- Khối lượng/trọng lượng: 0,242 m³ gỗ xẻ nhóm thông thường.
- Số lượng: 14 hộp gỗ xẻ.
- Thông tin về lô khai thác: Không có.
- Thông tin khác có liên quan (nếu có): Không có.

4. Thông tin chi tiết tại Bảng kê khai kèm theo (Áp dụng đối với: gỗ nguyên liệu, sản phẩm gỗ, cây thân gỗ khai thác từ rừng tự nhiên hoặc nhập khẩu hoặc thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES; động vật rừng thông thường và sản phẩm của chúng; động vật và sản phẩm của động vật thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm hoặc thuộc Phụ lục CITES).

¹ Số di động của Ông Tao Văn Pênh- Công chức Phòng kinh tế xã

Chúng tôi cam kết những nội dung kê khai trong bảng kê này là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực của thông tin./.

Nậm Tằm, ngày 16 tháng 6 năm 2026

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Thế Dũng

BẢNG KÊ CHI TIẾT*(Kèm theo Bảng kê lâm sản số: 01/2026/BKLS ngày...../6/ 2026 của Ủy ban nhân dân xã Nậm Tăm)***1. Thông tin chi tiết đối với gỗ nguyên liệu:**

TT	Số hiệu/ nhãn đánh dấu (nếu có)	Tên gỗ				Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, thanh tà vẹt, các loại ván			Số lượng (thanh/ tầm/ lóng)	Khối lượng (m ³)	Ghi chú
		Tên tiếng Việt/ tên thương mại	Tên tiếng Anh (nếu có)	Tên khoa học	Nhóm loài ⁽¹⁰⁾	Dài (cm)	Rộng (cm)	Đường kính hoặc chiều dày (cm)			
1	1-14	Gỗ Kháo		Machinus Bonii Lecomte	TT	85	17	1,2	14	0,242	
Tổng									14	0,242	